

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – MÔN: TOÁN 10
NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	ĐẠI SỐ TỔ HỢP	I.1. QUY TẮC CỘNG, QUY TẮC NHÂN. HOÁN VỊ, TỔ HỢP, CHỈNH HỢP	Nhận biết : - Nhận biết và phân biệt được quy tắc cộng, quy tắc nhân, hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Áp dụng vào giải các bài toán cơ bản, quen thuộc. Thông hiểu: - Áp dụng vào giải quyết các vấn đề toán học và bài toán thực tế cơ bản.	4	4.0	2	4.0					6	8	17.5
		I.2. NHỊ THỨC NEWTON	Nhận biết: - Nhận biết được công thức khai triển của nhị thức Newton Thông hiểu: - Biết khai triển công thức nhị thức Newton với số mũ cụ thể. Vận dụng: - Tìm hệ số hoặc số hạng chứa x^k trong khai triển nhị thức Newton.	2	2.0	1	2.0	1	7.0			4	11	18.8

2	PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG MẶT PHẲNG	II.1. ĐƯỜNG TRÒN TRONG MẶT PHẲNG TỌA ĐỘ	Nhận biết : - Nhận biết hai dạng phương trình đường tròn. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình. - Viết được phương trình đường tròn khi biết tâm và bán kính. - Nhận biết được một điểm nằm trong, nằm trên, nằm ngoài một đường tròn. Thông hiểu: - Viết được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và một điểm đi qua. - Viết được phương trình đường tròn khi biết đường kính AB với tọa độ A, B. - Viết được phương trình đường tròn đi qua ba điểm. - Viết được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tiếp điểm $M(x_0; y_0)$. Vận dụng: - Viết phương trình đường tròn thỏa mãn một số điều kiện cho trước. - Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải một số bài toán thực tiễn.	2	2.0	1	2.0	1	7.0			4	11	18.8
		II.2. BA ĐƯỜNG CONIC TRONG MẶT PHẲNG TỌA ĐỘ (ELIP, HYPEBOL)	Nhận biết : - Nhận biết được định nghĩa, phương trình chính tắc, hình dạng và tính chất hai đường conic trong mặt phẳng tọa độ. Thông hiểu:	3	3.0	3	6.0					6	9	17.5

			- Viết được phương trình chính tắc của Elip và Hypebol khi biết 2 trong 3 yếu tố a, b, c .											
3	THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT	III.1. KHÔNG GIAN MẪU VÀ BIẾN CỐ. XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ	Nhận biết : - Nhận biết được một số khái niệm: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố, biến cố chắc chắn, biến cố không thể, biến cố đối; định nghĩa cổ điển của xác suất; nguyên lí xác suất bé. - Xác định được không gian mẫu, số phần tử không gian mẫu trong các bài toán cơ bản, quen thuộc (Gieo đồng xu, con súc sắc,...) Thông hiểu: - Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản. - Tính được xác suất bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây. Vận dụng cao: - Vận dụng được kiến thức về tổ hợp và định nghĩa cổ điển của xác suất để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn	3	3.0	3	6.0			1	12.0	7	21.0	27.5
Tổng				14	14	10	20	2	14	1	12	27	60	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70				30				100		



I. MA TRẬN ĐỀ MÔN NGỮ VĂN KHỐI 10 -KTCHK II - NĂM HỌC 2023 - 2024

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Văn bản thông tin	2 câu 1,5 điểm	2 câu 3,0 điểm	1 1,0 điểm	1 0,5 điểm	6 câu 60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận văn học (thơ chữ Nôm Nguyễn Trãi (Dành cho các lớp A,D, CL,CH,CT,CA)	1* điểm	1,5 * điểm	1.0* điểm	0,5* điểm	1 câu 40
		Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá hoặc bàn về một ý kiến văn học (dành cho Chuyên Văn)					
Tổng			25%	45%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung			70%		30%		

II. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ NGŨ VĂN KHỐI 10 KIỂM TRA CUỐI KÌ II

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	VĂN BẢN THÔNG TIN	Nhận biết: - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin. - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. Thông hiểu: - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.	2	2	1	1	6

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản. - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. Vận dụng: Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân. Vận dụng cao: - Đánh giá được mức độ chính xác, khách quan					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng. - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản					
2	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	Nghị luận về một bài thơ (thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi)	Nhận biết: - Nhận biết kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Nêu nội dung khái quát của bài thơ Thông hiểu: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách					(1*)

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.					

TT	Nội dung kiến thức/ kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								7
Tỉ lệ %				25	45	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN-MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – MÔN TIẾNG ANH (Năm học: 2023-2024)
LỚP 10 (40 CÂU TRẮC NGHIỆM – 10 CÂU TỰ LUẬN)

CHUYÊN ĐỀ	KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ CÂU HỎI						TỔNG SỐ CÂU	
		Nhận biết - Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
PRONUNCIATION	Phụ âm	1						1	
	Nguyên âm (Long and short vowels)			1				1	
STRESS	Trọng âm từ có 2 hoặc 3 âm tiết	2						2	
GRAMMAR	Verb tenses			1		1		2	
	Verb forms	1		1				2	
	Reported speech	3				1		4	
	Passive voice	2		1		1		4	
	Error recognition	2						2	
	Phrasal verbs (Keep - Take)	2						2	
VOCABULARY (NEW WAYS TO LEARN - TECHNOLOGY)	Collocations	1						1	
	Word forms		3		1		1		5
	Synonym	1		1				2	
	Antonym	2						2	
SPEAKING	Common spoken expressions	1		1				2	
READING (NEW WAYS TO LEARN - TECHNOLOGY)	Conjunction	1						1	
	Prepositions	1		1				2	
	Relative words	1						1	
	Synonym	1						1	
	Word choice	1						1	
	Inference	2						2	
	Comprehension	3		2				5	
WRITING (Sentence transformation)	Verb tenses		1						1
	Reported speech		1						2
	Passive voice	1	2						2
TỔNG CỘNG		35		10		5		50	
ĐIỂM		7Đ		2Đ		1Đ		10Đ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II MÔN: VẬT LÝ 10 (2023 - 2024)
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	NĂNG LƯỢNG VÀ ĐỘNG LƯỢNG	I.1 Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng	Nhận biết: Viết công thức tính cơ năng khi vật chuyển động trong trọng trường. Thông hiểu: Hiểu được các đại lượng trong công thức tính cơ năng trong trọng trường. Vận dụng : Áp dụng định luật bảo toàn cơ năng trong trọng trường để tính các đại lượng như vận tốc, vị trí.	0,5	1,75	0,5	2,0	1,0	5,5			2,0	9,25	20
2		I.2 Động lượng và định luật bảo toàn động lượng	Nhận biết: Định nghĩa động lượng, viết công thức tính động lượng và đơn vị. Thông hiểu: Hiểu và viết được hệ thức của định luật bảo toàn động lượng đối với hệ hai vật. Vận dụng : Vận dụng công thức động lượng tính động lượng của một vật chuyển động.	1,0	3,5	0,5	2,0	0,5	2,75			2,0	8,25	20

3		I.3 Động lượng và năng lượng trong va chạm	Nhận biết: Mối liên hệ giữa lực tổng hợp tác dụng lên vật và tốc độ thay đổi của động lượng Thông hiểu: - Hiểu được mối liên hệ giữa lực tác dụng lên vật và tốc độ thay đổi của động lượng để tính lực tác dụng lên vật. - Xác định được động lượng và tốc độ của vật trước và sau va chạm trong bài toán va chạm mềm. Vận dụng cao: - Hiểu được mối liên hệ giữa lực tác dụng lên vật và tốc độ thay đổi của động lượng để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.	0,5	1,75	1,0	4,0			0,5	4,0	2,0	9,75	20
4	CHUYỂN ĐỘNG TRÒN VÀ BIẾN DẠNG	II.1 Chuyển động tròn	Nhận biết: - Định nghĩa, viết công thức tốc độ góc và độ dịch chuyển góc. - Định nghĩa, viết công thức của lực hướng tâm Thông hiểu: - Hiểu được các công thức vận tốc, liên hệ giữa tốc độ góc và tốc độ. - Hiểu được công thức tính lực hướng tâm và gia tốc hướng tâm Vận dụng: Tính tốc độ hoặc gia tốc hướng tâm của một vật chuyển động tròn đều.	2,0	7,0	1,0	4,0	0,5	2,75	0,5	4,0	4,0	17,75	40

			Vận dụng cao: Vận dụng các lực cơ học đã học (một lực hoặc 2 lực) đóng vai trò là lực hướng tâm trong chuyển động tròn đều để tìm tốc độ góc của vật.											
Tổng				4,0	14	3	12	2	11	1	8	10	45,00	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70				30				100		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: Hóa học 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút – Hình thức: Tự luận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Thời gian	% tổng Điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)		
1	Tốc độ phản ứng	Phương trình tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ phản ứng	-	-	1	4	1	5	-	-	9	20%
		Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học	1	4	1	4	-	-	-	-	8	20%
2	Nguyên tố nhóm VIIA - Halogen	Tính chất vật lí và hóa học đơn chất nhóm VIIA	3	12	1	4	1	5	1	7	28	60%
Tổng			4	16	3	12	2	10	1	7	45	100%
Tỉ lệ %			40		30		20		10			100%

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: Hóa học 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút – Hình thức: Tự luận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Tốc độ phản ứng hóa học	<i>Phương trình tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ phản ứng</i>	Nhận biết: - Nêu công thức xác định tốc độ phản ứng hoá học. - Bản chất của tốc độ phản ứng hoá học là: sự biến thiên nồng độ. - Nêu ý nghĩa hằng số tốc độ phản ứng. Thông hiểu: - Viết được biểu thức tốc độ tức thời của phản ứng và xác định sự thay đổi tốc độ phản ứng khi thay đổi các yếu tố. Vận dụng: viết biểu thức và tính toán các bài toán đơn giản xác định nồng độ các chất, tốc độ trung bình của phản ứng.	-	1	1	-
		<i>Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng</i>	Nhận biết: - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng hoá học. Thông hiểu: - Xác định được sự thay đổi tốc độ phản ứng khi có sự tác động của các yếu tố môi trường, - Xác định tốc độ phản ứng khi thay đổi nhiệt độ theo hệ số Van't Hoff	1	1	-	-

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	Nguyên tố nhóm VIIA - Halogen	Tính chất vật lí và tính chất hóa học của đơn chất nhóm VIIA,	Nhận biết: - Phát biểu được trạng thái tự nhiên của các nguyên tố halogen. - Nêu được trạng thái, màu sắc, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi của các đơn chất halogen và ứng dụng của chúng. - Nêu được tính chất vật lí, tính chất hóa học của đơn chất halogen. - Nêu được phương pháp điều chế đơn chất halogen. - Nêu được một số hiện tượng hóa học liên quan đến đơn chất halogen. Thông hiểu: - Viết phương trình chứng minh tính chất hóa học của halogen. - Viết phương trình hóa học theo yêu cầu. - So sánh được tính oxi hoá giữa các halogen. Vận dụng: - Bài tập liên quan đến tính chất hoá học của halogen. Vận dụng cao: - Bài tập nâng cao liên quan đến halogen.	3	1	1	1
Tổng				4	3	2	1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 – MÔN: SINH HỌC 10
NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu	Thời gian	Câu	Thời gian	Câu	Thời gian	Câu	Thời gian			
1	Chương 5: VI SINH VẬT & ỨNG DỤNG CỦA VI SINH VẬT TRONG THỰC TIỄN	Bài 22. Khái quát về vi sinh vật	Nhận biết - Nêu được khái niệm về vi sinh vật Thông hiểu - Trình bày đặc điểm chung của vi sinh vật - Phân biệt được các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật Vận dụng - Mục đích của việc nuôi cấy vi sinh vật	4	3.2	3	3.0	1	1.25	0	0	8	7.45	20
2		Bài 25. Sinh trưởng và sinh sản của vi sinh vật	Nhận biết - Nêu được khái niệm sinh trưởng và sinh sản của vi sinh vật - Khái niệm kháng sinh Thông hiểu - Đường cong sinh trưởng của vi sinh vật gồm các pha và đặc điểm của mỗi pha trong nuôi cấy - Hiểu được thu sinh khối vi sinh vật tại pha nào của quá trình nuôi cấy	4	3.2	3	3.0	3	3.75	2	3.0	12	12.95	30

			- Cơ chế tác động và ý nghĩa của kháng sinh Vận dụng - Tính được số lượng vi sinh vật, thời gian thế hệ trong nuôi cấy vi sinh vật - Cơ sở khoa học của các phương pháp khử khuẩn phổ biến trong đời sống và sản xuất - Tác hại của việc lạm dụng kháng sinh											
3		Bài 27. Ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn	Nhận biết - Cơ sở khoa học của việc ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn Thông hiểu - Các sản phẩm được tạo ra nhờ ứng dụng vi sinh vật trong đời sống hằng ngày, trong y học Vận dụng - Ứng dụng của vi sinh vật vào thực tiễn đời sống	1	0.8	2	2.0	1	1.25	1	1.5	5	5.55	12.5
	Chương 6: VIRUS & ỨNG DỤNG	Bài 29. Virus	Nhận biết - Nêu được khái niệm về virus - Nêu được đặc điểm chung của virus Thông hiểu - Cơ sở để phân loại virus - Đặc điểm các giai đoạn nhân lên của virus trong tế bào chủ - Phân biệt chu trình tan và chu trình tiềm tan Vận dụng - Cơ chế gây bệnh và phòng tránh lây nhiễm bệnh do virus gây ra	5	4.0	2	2.0	2	2.5	1	1.5	10	10.0	25

		Bài 30. Ứng dụng của virus trong y học và thực tiễn	Nhận biết - Kể tên được một số ứng dụng của virus tring thực tiễn Thông hiểu - Trình bày được thành tựu của dụng virus trong y học - Trình bày được thành tựu của ứng dụng virus trong nông nghiệp Vận dụng - Cơ sở khoa học của việc tạo ứng dụng virus làm vector chuyển gen	2	1.6	2	2.0	1	1.25	0	0	5	4.85	12.5
Tổng số				16	13.0	12	12.0	8	9.0	4	6.0	40	40	100
Tỉ lệ %				40%		30%		20%		10%		100%		
Tỉ lệ chung %				70%				30%				100%		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: Lịch sử 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG	Thời gian (phút)	% Tổng g điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu		
				TL	TG	TL	TG	TL	TG	TL	TG			
1	I.Các nền văn minh Việt Nam trước năm 1858	I.1. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	Nhận biết, vận dụng - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,... - Biết và trân trọng nhưng giá trị của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc đối với sự phát triển của dân tộc.	0.5	5			0.5	5			1	10	20%
		I.2. Văn minh Chăm - pa	Nhận biết, - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Chăm-pa - Trình bày được được ý nghĩa, vai trò của những thành tựu văn minh Chăm-pa.	0.5	5	0.5	5					1	10	20%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: Lịch sử 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

		I.3. Văn minh Phù - nam	Nhận biết -Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về	0.5	5	0.5	5					1	10	20%
--	--	----------------------------	--	-----	---	-----	---	--	--	--	--	---	----	-----

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: Lịch sử 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

			đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.												
3		I.4. Văn minh Đại Việt	Nhận biết, thông hiểu - Nêu được cơ sở hình thành, các thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt - Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Vận dụng cao -Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.	0.5	5					0.5	10	1	15	40 %	
Tổng				2	20	1	10	0.5	5	0.5	10	4	45	100	
Tỉ lệ %				40%		30%		20%		10%				100	
Tỉ lệ chung %				70%				30%						100	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Địa lí các ngành kinh tế	Công nghiệp	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. - Trình bày được đặc điểm của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Thông hiểu – Trình bày được vai trò ngành công nghiệp. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được vai trò của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. – Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. – Giải thích được sự phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. - Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. – Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.	16	2	1	1

			Vận dụng – Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. – Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp. Vận dụng cao – Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.				
		Dịch vụ	Nhận biết – Trình bày được cơ cấu, đặc điểm của dịch vụ. – Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông trên thế giới. Thông hiểu – Trình bày được vai trò của dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ. – Trình bày được vai trò của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. Vận dụng – Vẽ được biểu đồ, sơ đồ.				
Số câu/ loại câu				16 câu TN	2 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tổng hợp chung				40%	30%	20%	10%

MA TRÂN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II

T T	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng			
		Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao						
		CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	CH TN	Điểm TN	TG TN	Tỉ lệ %
1	Bài 17: Pháp luật và đời sống	5	1.5	5	3	0.9	3.75	2	0.6	3	1	0.3	3	11	3.3	14.75	33
2	Bài 18: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	4	1.2	4	3	0.9	3.75	2	0.6	3				9	2.7	10.75	27
3	Bài 19: Thực hiện pháp luật	4	1.2	4	4	1.2	5	3	0.9	4.5	2	0.7	6	13	4.0	19.5	40
Tổng		13	3.9	13	10	3.0	12.5	7	2.1	10.5	3	1	9	33	10	45	100
Tỷ lệ %		40			30			20			10			100			
Tỷ lệ chung		70						30									

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II

<i>TT</i>	<i>Tên bài</i>	<i>Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá</i>	<i>Câu hỏi theo mức độ</i>			
			<i>Nhận biết</i>	<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Vận dụng cao</i>
1	Bài 17: Pháp luật và đời sống	Nhận biết Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội Thông hiểu Phân biệt được các đặc trưng cơ bản của pháp luật Xác định được các hành vi cụ thể thể hiện vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội Vận dụng Tích cực, tự giác và nghiêm túc chấp hành kỷ luật, pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Vận dụng cao Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	5	3	2	1
2	Bài 18: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	Nhận biết Nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam Nêu được một số văn bản pháp luật Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông hiểu Kể tên được đặc điểm các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Vận dụng Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam	4	3	2	1
3	Bài 19: Thực hiện pháp luật	Nhận biết: Nêu được khái niệm các hình thức thực hiện pháp luật Thông hiểu: Phân biệt được các hình thức thực hiện PL Vận dụng: Nhận xét, đánh giá được những hành vi đã thực hiện đúng pháp	4	4	3	1

	luật, hành vi làm trái quy định của pháp luật. Vận dụng cao: Thực hiện đúng quy định của pháp luật phù hợp với lứa tuổi. Phê phán những hành vi làm trái quy định của pháp luật				
TỔNG		13	10	7	3

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Vẽ Kỹ Thuật Ứng Dụng	Bản vẽ xây dựng	Nhận biết: - Nêu được khái niệm bản vẽ xây dựng. - Kể tên gọi một số loại bản vẽ trong xây dựng. Thông hiểu: - Tóm tắt được nội dung các hình biểu diễn của bản vẽ ngôi nhà. Vận dụng: - Đọc được bản vẽ nhà đơn giản. Vận dụng cao: Lập được bản vẽ xây dựng đơn giản	2	1	1	1
		Lập bản vẽ với sự trợ giúp của máy tính	Nhận biết: - Nêu được ưu điểm cơ bản của việc lập bản vẽ với sự trợ giúp của máy tính. Thông hiểu: - Nhận diện được một số lệnh của phần mềm vẽ trên máy tính. Vận dụng cao: - Phân biệt, giải thích được một số hình biểu diễn của vật thể đơn giản với sự hỗ trợ của máy tính.	2	1	0	2

2	Thiết Kế Kỹ Thuật	Vai trò, ý nghĩa và các nguyên tắc của hoạt động thiết kế kỹ thuật	Nhận biết: - Nêu được khái niệm thiết kế kỹ thuật. - Nêu được tên các nguyên tắc thiết kế kỹ thuật. Thông hiểu: - Trình bày được các nguyên tắc thiết kế kỹ thuật. Vận dụng: - Tóm tắt, phân tích được nội dung các nguyên tắc thiết kế.	2	1	2	0
		Quy trình thiết kế kỹ thuật	Nhận biết: - Liệt kê các bước của quy trình thiết kế kỹ thuật. - Kể tên một số phương tiện hỗ trợ và ứng dụng trong từng bước của quá trình thiết kế. Thông hiểu: - Tóm tắt một số phương pháp thực hiện trong từng bước của quá trình thiết kế. Vận dụng: - Giải thích được quy trình thiết kế kỹ thuật.	2	3	1	0
		Các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình thiết kế kỹ thuật	Nhận biết: - Nêu được tên các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế kỹ thuật. Thông hiểu: - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình thiết kế kỹ thuật. Vận dụng: - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình thiết kế kỹ thuật.	2	2	2	0
		Một số nghề nghiệp liên quan tới thiết kế	Nhận biết: - Kể tên một số nghề nghiệp liên quan đến thiết kế kỹ thuật. Thông hiểu: - Tóm tắt đặc điểm, tính chất của một số nghề nghiệp liên quan tới thiết kế kỹ thuật.	3	2	1	0
	Tổng			13	10	7	3

TTCM

Trần Thị Hà

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								%tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	CHỦ ĐỀ F: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của máy tính	1. Định nghĩa - Truy xuất danh sách	3		4		4				82%
		2. Phép toán & Phương thức trong danh sách	5		6		3		2		
3	CHỦ ĐỀ E: Đồ họa	1. Một số kiến thức cơ bản về thiết kế đồ họa, các phần mềm ứng dụng, các sản phẩm có thể tạo ra	3								18%
		2. Các thao tác làm việc với tập tin đồ họa trong GIMP	2						1		
Tổng			13		10		7		3		
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		
Tỉ lệ chung			100%								

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 MÔN TIN HỌC, LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	CHỦ ĐỀ F: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của máy tính	1. Định nghĩa - Truy xuất danh sách	Nhận biết - Nhận biết được danh sách (ví dụ: $a=[2,3,4]$ là danh sách tên a có 3 phần tử) - Nhận biết được danh sách rỗng (ví dụ: $b=[]$) - Nhận biết được danh sách số, danh sách xâu Thông hiểu - Phân biệt được danh sách, danh sách xâu và xâu kí tự - Phân biệt được phần tử của danh sách và chỉ số của phần tử trong danh sách (ví dụ: $a=[2,3,4]$ có 3 phần tử là 2, 3, 4; a đang có 3 chỉ số là 0, 1, 2 tính lần lượt từ trái sang phải) - Xác định được phần tử ở vị trí thứ i trong danh sách (ví dụ: $a=[2,3,4]$ có $a[1]=3$ nghĩa là: trong danh sách a, phần tử ở chỉ số 1 có giá trị là 3) - Xác định được danh sách con	3(TN)	4(TN)	4(TN)	

			Vận dụng -Dựa vào 1 ví dụ thực tế, xác định 1 phần tử ở một vị trí xác định trong danh sách cho trước -Dựa vào 1 ví dụ thực tế, xác định danh sách con trong danh sách cho trước				
	CHỦ ĐỀ F: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của máy tính	2. Phép toán & Phương thức trong danh sách	Nhận biết - Nhận biết được phép toán +, in - Nhận biết được công dụng của các hàm/phương thức: len, append, pop, insert, sort, print Thông hiểu - Hiểu ý nghĩa, cú pháp của các hàm/phương thức đã nêu trong phần Nhận biết - Hiểu ý nghĩa, cú pháp của các phép toán đã nêu trong phần Nhận biết Vận dụng - Vận dụng được các hàm/phương thức trên để giải quyết một vấn đề thực tế - Duyệt danh sách đơn giản với thao tác: xuất phần tử thỏa điều kiện cho trước Vận dụng cao - Vận dụng được phương thức sort để giải quyết 1 vấn đề thực tiễn	5(TN)	6(TN)	3(TN)	2(TN)

2	CHỦ ĐỀ E: Đồ họa	1. Một số kiến thức cơ bản về thiết kế đồ họa, các phần mềm ứng dụng, các sản phẩm có thể tạo ra	Nhận biết - Nhận biết được 1 số phần mềm đồ họa - Nhận biết được sản phẩm đồ họa - Nhận biết được tập tin mặc định của phần mềm GIMP	3(TN)			
	CHỦ ĐỀ E: Đồ họa	2. Các thao tác làm việc với tập tin đồ họa trong GIMP	Nhận biết - Nhận biết thao tác tạo mới tập tin - Nhận biết được tham số thiết lập cơ bản (hệ màu RGB) Vận dụng cao - Các thao tác làm việc với tập tin đồ họa trong GIMP: Tạo mới (các tham số thiết lập cơ bản), lưu, xuất file sang định dạng khác (một số định dạng phổ biến như file ảnh: JPG, JPEG, PDF)	2(TN)			1(TN)
Tổng				13	10	7	3
Tỉ lệ				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				100%			

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (Năm học 2023-2024)
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP - 10

STT	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
1	Chủ đề 5: Tham gia xây dựng cộng đồng	– Thực hiện được các biện pháp mở rộng quan hệ và thu hút cộng đồng vào các hoạt động xã hội. – Lập và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền trong cộng đồng về văn hoá ứng xử nơi công cộng. – Tham gia một số hoạt động cộng đồng phù hợp và đánh giá được kết quả hoạt động phát triển cộng đồng. - Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ những người cùng tham gia. - Thực hiện tốt nội quy, quy định của cộng đồng.
2	Chủ đề 6: Hành động vì môi trường	– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền, kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. – Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. – Phân tích, đánh giá được thực trạng môi trường tự nhiên tại địa phương; tác động của con người tới môi trường tự nhiên. – Thuyết trình được với các đối tượng khác nhau về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên. – Đề xuất được và tham gia thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên.
3	Chủ đề 7: Thông tin nghề nghiệp	– Xác định được những hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương và nêu được thông tin, yêu cầu cơ bản về các nhóm nghề này. – Biết cách tìm hiểu các thông tin về nhóm nghề mình quan tâm, yêu cầu về năng lực, phẩm chất theo nhóm nghề. – Tìm hiểu được những điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.
4	Chủ đề 8: Chọn nghề, chọn trường	– Phân tích được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động thông qua trải nghiệm một nghề cụ thể và yêu cầu của nhà tuyển dụng. – Tham vấn ý kiến thầy cô, gia đình, bạn bè về dự định lựa chọn nghề và định hướng học tập của bản thân. – Đánh giá được sự phù hợp của bản thân với nhóm nghề định lựa chọn. – Trình bày được một số thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo liên quan đến nghề định lựa chọn.

Nhóm trưởng HĐTN 10

Nguyễn Thị Hường

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II (Năm học 2023-2024)
MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI 10

(Học sinh nộp sản phẩm theo hướng dẫn và yêu cầu của giáo viên)

STT	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
5	CHỦ ĐỀ 5: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	- Trình bày được vai trò của ngành công nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Phân tích được thế mạnh, hạn chế trong sản xuất công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được sự phát triển, phân bố và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, một số ngành tiêu thủ công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh.
6	CHỦ ĐỀ 6: KHI TÔI LÀ “ĐẠI SỨ DU LỊCH”	- Mô tả được những nét tổng quan về ngành du lịch của Thành phố Hồ Chí Minh. - Xác định được vai trò của “Đại sứ du lịch” trong phát triển du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được một số loại hình du lịch tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Thu thập được tài liệu, viết báo cáo về ngành du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh.
7	CHỦ ĐỀ 7: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	- Phân tích, đánh giá được thực trạng môi trường tự nhiên tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Nêu được tác động của con người tới môi trường tự nhiên. - Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên. - Hiểu được mục đích của việc tham gia các hoạt động phòng chống ô nhiễm môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Đề xuất tham gia các hoạt động phòng chống ô nhiễm môi trường tại Thành phố

		Hồ Chí Minh.
8	CHỦ ĐỀ 8: KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP CỦA TÔI	- Biết về các phương án lựa chọn nghề nghiệp sau khi hoàn thành chương trình Trung học phổ thông. - Biết cách thực hiện trắc nghiệm tính cách phù hợp với nghề nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch nghề nghiệp cho giai đoạn Trung học phổ thông. - Có ý thức lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân sau khi hoàn thành chương trình học phổ thông.

Nhóm trưởng

Đậu Thị Hương